TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 13 – 01 – 2021

V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim P

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Võ Văn T1

2. Bà Nguyễn Thị M Th

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Thiện N là Thư ký Tòa án N dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Phú T*** *tham gia phiên tòa:*

Ông Lưu Tiến D– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241a/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phan Thị H, sinh năm 1953 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L1 Quới C, phường L1 Phú, thị xã T Châu, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Hẻm 38, tổ 04, ấp Trung 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Thành Phú, xã Thành L, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L1.

Chỗ ở hiện tại: Hẻm 38, tổ 04, ấp Trung 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2020 và trong qua trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phan Thị Htrình bày,

Do quen biết nên bà có cho bà V vay tiền nhiều lần tổng cộng là 220.000.000 đồng để mua bán, mỗi lần vay bà V đều có viết biên nH, những lần vay như sau:

1. Ngày 04/3/2019 âm lịch, vay 20.000.000 đồng.
2. Ngày 09/3/2019 âm lịch vay 10.000.000 đồng.
3. Ngày 28/6/2019 âm lịch vay 20.000.000 đồng.
4. Ngày 09/9/2019 âm lịch vay 20.000.000 đồng.
5. Ngày 01/10/2019 âm lịch vay 10.000.000 đồng.
6. Ngày 21/11/2019 âm lịch vay 10.000.000 đồng.
7. Ngày 13/12/2019 âm lịch vay 10.000.000 đồng.
8. Ngày 06/2/2020 âm lịch vay 10.000.000 đồng.
9. Ngày 26/02/2020 âm lịch vay 10.000.000 đồng.
10. Ngày 01/3/2020 âm lịch vay 20.000.000 đồng.
11. Ngày 28/3/2020 âm lịch vay 50.000.000 đồng.

Đối với biên nHngày 28/3/2020 âm lịch, đây là lần vay sau cùng, bà V không viết biên nHvay 50.000.000 đồng mà bà V cộng chung các lần vay trước, tổng cộng 220.000.000 đồng nhưng bà V ghi biên nHnhầm là 210.000.000 đồng, lúc này bà không để ý nên không phát hiện bị sai số, trong biên nHnày bà V có ghi cầm cho bà căn nhà của bà V đang ở, nếu không trả tiền thì bà được lấy nhà trừ nợ. Khi tổng số nợ 220.000.000 đồng bà V hẹn một tháng sau trả đủ, nhưng không trả nên bà mới khởi kiện đến Tòa án, trong thời gian chờ Tòa án giải quyết đến ngày 01/9/2020 bà V trả 30.000.000 đồng, còn lại 190.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Mỗi lần bà V mượn tiền đều hẹn một tháng trả, lãi suất mấy lần đầu tính 2%/tháng (không nhớ cụ thể thời gian nào), sau đó bà V tự nâng lãi lên 2,5%/tháng, nhưng bà V không trả lãi mà có đưa cho bà vài lần, có lần 1.000.000 đồng, có lần 2.000.000 đồng nói là cho tiền cà phê, sau đó bà V không trả lãi, tiền cà phê cho được bao nhiêu bà không nhớ. Thấy bà V chậm trả tiền nên nhiều lần bà đòi lại tiền vốn, bà V hứa hẹn nhưng không thực hiện. Trong biên nHsau cùng ngày 28/3/2020 âm lịch, bà V có ghi cầm nhà và sẽ giao nhà trừ nợ, bà không yêu cầu giải quyết liên quan đến căn nhà này, vì bà V đóng cửa. Nay, bà chỉ yêu cầu bà V trả 190.000.000 đồng, không yêu cầu gì về

việc cầm nhà, không yêu cầu tính lãi của tiền gốc và không yêu cầu tính tiền lãi chậm thi hành án.

Tại văn bản ngày 01/9/2020 của bà Nguyễn Thị Hồng V (là bị đơn) trình bày, bà thừa nHcó mượn tiền của bà Hnhiều lần tổng cộng 190.000.000đ, lãi suất 5%, do dịch bệnh làm ăn khó khăn nên không có khả năng trả tiền lãi, xin trả dần tiền vốn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng bà Nguyễn Thịn Hồng V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy bà V chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, bà Phan Thị Hyêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng V trả 190.000.000đ, bà V đã thừa nHcòn nợ bà Hsố tiền này, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nHyêu cầu của bà H, bà V phải chịu án phí theo quy định.

NHĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Bà Phan Thị Hkhởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng V trả tiền nợ vay, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà V.

[3] Xét yêu cầu của bà Phan Thị Hđòi bà Nguyễn Thị Hồng V trả 190.000.000đ, Hội đồng xét xử nHthấy tại phiên tòa bà V vắng mặt nhưng bà V có lời khai thừa nHcó vay của bà Hsố tiền nói trên. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định:*“ Một bên đương sự thừa nHhoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc bà V đã vay của bà H190.000.000đ là có thật. Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nHyêu cầu của bà Hvà đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc bà Nguyễn Thị Hồng V phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Hsố tiền vay gốc 190.000.000đ.

[4] Về tiền lãi, bà Hkhông có yêu cầu tính lãi của tiền gốc 190.000.000đ và tiền lãi chậm thi hành án là tự nguyện của bà H, nên Hội đông xét xử không đề cập.

[5] Đối với tiền lãi trong thời gian vay tiền, bà Hcho rằng sau khi vay tiền bà V không có trả lãi, chỉ cho tiền cà phê nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu. Bà V trình bày

mức lãi suất 5% nhưng không nêu cụ thể 5% một tháng hay một năm, … và cũng không trình bày đã trả tiền lãi được bao nhiêu. Hơn nữa, hai bên đương sự cũng không có tranh chấp về tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu sau này hai bên đương sự có tranh chấp tiền lãi thì được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Đối với việc bà V cầm nhà cho bà Htheo biên nHnợ ngày 28/3/2020 âm lịch, bà Hkhông có quản lý sử dụng căn nhà và bà Hcũng không có yêu cầu giải quyết việc cầm nhà, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm, yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nHtoàn bộ, nên bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nHyêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Hsố tiền vay 190.000.000đ *(bằng chữ*: *một trăm chín mươi triệu đồng).*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu là 9.500.000đ *(bằng chữ: chín triệu năm trăm nghìn đồng)*;

- Bà Phan Thị Hđược miễn tiền tạm ứng án phí, vì bà là người cao tuổi (67 tuổi) và có đơn đề nghị miễn.

3. Bà Phan Thị Hcó quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Hồng V vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nHđược bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM N DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nH:
- Các đương sự;
- THADS huyện Phú T;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim P